TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50 /2020/ HNGĐ-ST
Ngày 26/02/2020
V/v: *" Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lã Hùng Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

2. Ông **Nguyễn Văn Trình**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Thái Bình** - Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 600/2019/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp " xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn Trung Sơn, xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Ông Tạ Văn N, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Khu Trại Giống, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội.

(bà T có mặt tại phiên tòa, ông N có đơn xin vắng mặt.)

N DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị T, biên bản lấy lời khai ông Tạ Văn N đều trình bày: bà Nguyễn Thị T kết hôn hợp pháp với ông Tạ Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bắc Giang

ngày 25/09/1992 . Sau khi tổ chức kết hôn vợ chồng cùng chung sống ăn ở với nhau ngay tại Khu Trại Giống, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hai năm thì đến năm 1994 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và kéo dài căng thẳng. Vợ chồng bà T, ông N thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi chửi, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, ông N thường đi làm ăn xa, không hỏi han hay có trách nhiệm gì với vợ con. Vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 1994 cho đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, không chia sẻ, cảm thông cho nhau khiến cuộc sống gia đình luôn mâu thuẫn căng thẳng và bế tắc. Nay bà T và ông N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, thời gian sống ly thân quá lâu, đời sống chung không thể kéo dài, bà T xin được ly hôn ông Tạ Văn N, ông N hoàn toàn nhất trí ly hôn bà T.

Về con chung : bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Văn N đều xác định bà T và ông N có 01 con chung là: Tạ Văn T, sinh ngày 07/09/1993. Hiện nay anh T đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất tâm thần nên bà T và ông N không đề cập đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ chung: bà T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công sức, tài sản riêng, công nợ chung; Ông Tạ Văn N xác định vợ chồng không có tài sản riêng, công nợ chung; Về tài sản chung, công sức: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, quá trình chung sống với ông N luôn mâu thuẫn căng thẳng, bế tắc, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, luôn thờ ơ, lạnh nhạt với nhau, không thể chia sẻ, cảm thông, tha thứ cho nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu và nay đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N. Về con chung: bà T xác định anh Tạ Văn T hiện nay đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Về Tài sản riêng: Không có; Tài sản chung, công sức chung: Không có; Công nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay ông Tạ Văn N vắng mặt có đơn xin vắng mặt. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Tạ Văn N, ông N đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các giấy triệu tập đương sự, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông N có đơn xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa đối với ông Tạ Văn N, vụ án không tiến hành hòa giải được do

sự vắng mặt của bị đơn. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2019 đại diện Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hà N cho biết: bà T và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu vào năm 1992, sau khi cưới bà T trở về sinh sống cùng ông N tại địa phương xã C, huyện B trong khoảng thời gian từ năm 1992 đến năm 1994. Cuộc sống chung của bà T và ông N không hạnh phúc, nhiều lần xảy ra cãi chửi, bất đồng quan điểm. Bà T đã đưa con chung là anh Tạ Văn T trở về tỉnh Bắc Giang sinh sống và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm với ông Tạ Văn N từ năm 1994 cho đến nay. Đối với ông Tạ Văn N, chính quyền địa phương xác định ông N sinh sống ổn định và có hộ khẩu thường trú tại địa phương xã C, chính quyền địa phương đã phối hợp với Tòa án thực hiện việc tống đạt các giấy triệu tập đối với ông N. Chính quyền địa phương xác định bà T và ông N có một con chung là anh Tạ Văn T, sinh năm 1993, hiện đang sinh sống cùng bà T tại Bắc Giang. Bà T và ông N không có tài sản chung, công sức, tài sản riêng, nợ chung gì tại địa phương.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì

+ Về Nội dụng vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T đối với ông Tạ Văn N. Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T, cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tạ Văn N. Về con chung: có một con chung là anh Tạ Văn T, sinh ngày 07/09/1993. Hiện nay anh T đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất tâm thần nên không đề cập đến việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung, nhà ở, đất ở, đất canh tác: không đề cập xem xét giải quyết.

*Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1, Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn ông Tạ Văn N, nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Khu Trại Giống, xã C, huyện B, thành phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện B, thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định

tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2, Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Văn N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà T và ông N về chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 1994 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ cuối năm 1994 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn ông Tạ Văn N. Ông Tạ Văn N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, thời gian ly thân quá lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T xin ly hôn ông N hoàn toàn nhất trí. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tạ Văn N.

3, Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Văn N có một con chung là anh Tạ Văn T, 07/09/1993. Hiện nay anh T đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất và tâm thần nên bà T, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4, Về tài sản chung, công sức đóng góp, tài sản riêng, công nợ: Nguyên đơn bà T trình bày là không có. Ông Tạ Văn N xác định không có tài sản riêng, công nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, công sức nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này, giành quyền khởi kiện cho ông N bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5, Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Tạ Văn N về việc "ly hôn".

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Tạ Văn N.

Về con chung: Có 01 con chung là Tạ Văn T, sinh ngày 07/09/1993. Hiện anh T đã trên 18 tuổi và không bị khuyết nhược gì về thể chất và tâm thần nên HĐXX không giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản riêng, công nợ chung : Không có.

Về tài sản chung, công sức chung: Chưa giải quyết. Giành quyền khởi kiện cho ông Tạ Văn N bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ điều kiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, bà T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009754 ngày 09/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà bà T phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Tạ Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt, niêm yết hợp lệ bản án.

" *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thị hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lã Hùng Cường

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND nơi ĐKKH, ĐKHK;
- THA dân sự huyện B;
- Lưu hồ sơ.